



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK

DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 24.5.2025 - TRÌNH ĐỘ HSK 6 - LE 4.16

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H62516850200000001	TRUONG TRUONG AN	男	1999-01-27	024099000189	LE 4.16	
2	H62516850200000002	NGUYEN THI NGOC HUYEN	女	2003-08-22	001303008780	LE 4.16	
3	H62516850200000003	TRAN HAI ANH	女	2003-09-28	001303003810	LE 4.16	
4	H62516850200000004	BUI THI THANH BINH	女	1992-08-24	019197000951	LE 4.16	
5	H62516850200000005	TRINH HUYEN TRANG	女	2005-10-14	015305000845	LE 4.16	
6	H62516850200000006	NGUYEN THI MINH NGOC	女	2001-12-16	034301004138	LE 4.16	
7	H62516850200000007	DO MINH ANH	女	2003-12-11	034303002379	LE 4.16	
8	H62516850200000008	LIUONG THI CAM VAN	女	2001-07-13	001301021930	LE 4.16	
9	H62516850200000009	DAO THI MINH THU	女	2008-01-21	031308013851	LE 4.16	
10	H62516850200000010	DINH THI HANG	女	1997-01-07	022197011239	LE 4.16	
11	H62516850200000011	NGUYEN THI VAN ANH	女	2001-05-12	033301000631	LE 4.16	
12	H62516850200000012	HOANG THI ANH DUONG	女	2007-07-12	024307012725	LE 4.16	
13	H62516850200000013	BUI CONG DUC	男	2001-07-03	030201008668	LE 4.16	
14	H62516850200000014	NGUYEN THI THANH HIEN	女	2006-06-04	001306013797	LE 4.16	
15	H62516850200000015	NGUYEN THU HA	女	1996-02-07	022196002237	LE 4.16	
16	H62516850200000016	PHAN THI THANH	女	1993-07-18	036193005807	LE 4.16	